

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/DS-ST

Ngày 09 - 11 - 2021

V/v “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Quốc Sách.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Dương Thành Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 7, ngày 12 tháng 8, ngày 07 tháng 9, ngày 06 tháng 10 và từ ngày 03 đến ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2021/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là luật sư Hồ Thanh H – Văn phòng luật sư Lê L – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)*

***2. Bị đơn:***

2.1. Ông Trần Văn H, sinh năm 1963.

2.2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Trần Văn P, sinh năm 1983. (vắng mặt lần 2, không lý do)

3.2. Anh Trần Văn P, sinh năm 1987. (vắng mặt lần 2, không lý do)

3.3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1983. (vắng mặt lần 2, không lý do)

3.4. Anh Đào Hiền T, sinh năm 1985. (có mặt)

3.5. Anh Đào Hiền T, sinh năm 1990. (vắng mặt lần 2, không lý do)

3.6. Chị Cao Mộng Thùy T, sinh năm 1987. (vắng mặt lần 2, không lý do)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Luật sư Hồ Thanh H và nguyên đơn bà Huỳnh Thị H trình bày trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa:** Bà H với bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H không có quan hệ bà con, phần đất hiện đang tranh chấp với ông H, ông H có nguồn gốc là vào năm 1994 bà H mua (nhận chuyển nhượng) của ông Nguyễn Trung T việc mua bán có làm giấy tay với nhau, diện tích là 2.314m<sup>2</sup>, giá 18 chỉ vàng 24kara, đất ao, khi mua không biết đất tranh chấp và đã trả vàng đủ cho ông T, thời điểm mua đất thì có nhờ chính quyền xã đến đo đạc để làm thủ tục sang tên, thì lúc này ông H, ông H đang ở trên đất và cho rằng đất của hai ông, nên hai ông kiện ông T yêu cầu ông T trả lại phần đất này, do đó việc chuyển nhượng giữa bà H với ông T tạm dừng lại chờ kết quả giải quyết. Sau đó sự việc tranh chấp giữa ông H, ông H với ông T đã được Tòa án hai cấp xét xử là ông T thắng, buộc ông H, ông H trả đất cho ông T, Cơ quan thi hành án có xuống thi hành cưỡng chế giao đất cho ông T, lúc này bà H cùng ông T cắm trụ đá rào lưới B40 xung quanh đất, sáng thi hành án thì chiều lại ông H, ông H đã nhổ lưới B40 và trụ đá để bao chiếm lại phần đất này, đến năm 2005 Tòa án hai cấp xử ông H, ông H về tội không chấp hành án và ông H, ông H đi tù một thời gian, sau khi ra tù lại tiếp tục bao chiếm sử dụng đất cho đến nay, trong khi đó vào năm 2015 thì bà H và ông T đã làm thủ tục chuyển nhượng phần đất này xong sang cho bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng. Nay bà H yêu cầu gia đình ông Trần Văn H, ông Trần Văn H di dời nhà và các vật kiến trúc có trên đất (trong đó có 01 ngôi mộ, cây cối, nhà cửa) trả lại cho bà H diện tích là 2.314m<sup>2</sup> (diện tích đo thực tế là 2.259,4m<sup>2</sup>) thuộc thửa 1248, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận do bà Huỳnh Thị H đứng tên quyền sử dụng đất cấp ngày 09/11/2015).

**- Người liên quan anh Đào Hiền T:** Thống nhất theo trình bày, yêu cầu của Luật sư Hồ Thanh H, bà Huỳnh Thị H (là mẹ), không trình bày và yêu cầu gì thêm.

**- Bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H vắng mặt, nhưng đã có ý kiến tại các phiên hòa giải như sau:** Nguồn gốc phần đất tranh chấp với nguyên đơn bà Huỳnh Thị H là của ông Nguyễn Trung T, ông T có 07 người con, trong

đó có bà Nguyễn Thị T là vợ lớn của cha ruột các ông tên là Trần Văn M (đã chết), sau khi bà T chết cha các ông mới kết hôn với mẹ các ông là bà Nguyễn Thị Q (đã chết) và sinh được 03 người con gồm Trần Văn H, Trần Văn H và Trần Văn H, phần đất tranh chấp lúc còn sống ông Nguyễn Trung T cho cha các ông và mẹ lớn là bà Nguyễn Thị T sử dụng (cho từ rất lâu), cha các ông cất nhà ở và đào ao nuôi cá, sau khi cha các ông chết thì anh em các ông tiếp tục sử dụng phần đất này, mãi đến năm 1994 và đến năm 2003 anh em các ông và ông Nguyễn Trung T (Ông Tín là con của ông Nguyễn Trung H, ông H là con ruột ông Nguyễn Trung T) xảy ra tranh chấp phần đất này, năm 2003 Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử buộc anh em các ông phải giao đất cho ông Nguyễn Trung T. Sau đó cơ quan thi hành án dân sự huyện H đã cưỡng chế buộc anh em các ông giao lại phần đất, tuy nhiên do hoàn cảnh nghèo khổ nên anh em các ông đã tiếp tục ở trên phần đất này đến nay, vì không có chỗ ở khác. Phần đất tranh chấp này bà Huỳnh Thị H nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trung T là hợp pháp, các ông không tranh chấp lại, nay bà H khởi kiện yêu cầu buộc anh em các ông phải di dời tài sản trên đất để giao lại phần đất này, các ông không đồng ý đi và có yêu cầu với bà H là xin được tiếp tục sử dụng phần đất này, đồng ý trả cho bà H theo giá trị mà bà H đã nhận chuyển nhượng từ ông T là 18 chỉ vàng 24kara 9999 hoặc giá thị trường hiện nay theo định giá của nhà nước.

***- Đối với những người liên quan phía nguyên đơn, phía bị đơn còn lại đều vắng mặt trong quá trình tố tụng của vụ án, nên không có ý kiến.***

***- Phát biểu tranh luận của Luật sư Hồ Thanh H:*** Theo hồ hồ vụ án cũng như tranh tụng tại phiên tòa, thì thấy rằng khởi kiện về việc đòi quyền sử dụng đất của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đối với ông Trần Văn H, Trần Văn H là có cơ sở, bởi lẽ theo Bản án số: 295/DSPT ngày 04/9/3003 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm đã tuyên: Bác yêu cầu của ông H, ông H và buộc ông H, ông H giao trả đất trên cho ông Nguyễn Trung T và ông T đã chuyển nhượng hợp pháp cho bà H (việc này đã được ông H, ông H thừa nhận). Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, buộc hộ ông H, ông H và con là ông H di dời tất cả các tài sản của mình (trong đó có ngôi mộ của vợ ông H) ra khỏi đất, để giao trả diện tích 2.259,4m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa 1248, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản, tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cho bà H sử dụng theo giấy chứng nhận được cấp ngày 09/11/2015.

***- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:*** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 163, 164, 165, 235 Bộ luật dân sự; Điều 203 Luật đất đai tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, buộc các bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H và những

người liên quan di dời nhà và tài sản khác trả lại cho nguyên đơn bà H diện tích đất theo đo đạc thực tế là 2.259,4m<sup>2</sup>.

Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và đối tượng tranh chấp đều có cùng địa chỉ cư trú tại địa phận huyện H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với những người bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và theo ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt họ, xét thấy là phù hợp, vì họ đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, cần thiết công bố tại phiên tòa, do đó căn cứ vào các Điều, 227 vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

Phần đất tranh chấp, theo sơ đồ đo đạc số: TĐ: 01-2021 ngày 22/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H thì có diện tích 2.259,4m<sup>2</sup> (bà H thống nhất diện tích này), thuộc thửa 1248, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản, tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, (hiện do ông Trần Văn H, ông Trần Văn H quản lý; bà Huỳnh Thị H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng, cấp ngày 09/11/2015, diện tích 2.314m<sup>2</sup>).

Phần đất này vào năm 2003 có tranh chấp giữa ông Trần Văn H, ông Trần Văn H với ông Nguyễn Trung T (là anh em cô cậu với nhau), kết quả được Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm tại Bản án số: 295/DSPT ngày 04/9/3003, tuyên: Bác yêu cầu của ông H, ông H và buộc ông H, ông H giao trả đất cho ông T – đến khi bản án có hiệu lực thì vào các ngày 19/11/2003; ngày 20/8/2004; ngày 08/9/2004 Cơ quan thi hành án huyện H bắt đầu thực hiện quy trình thủ tục thi hành án như: Tự nguyện thi hành án nhưng ông H, ông H không tự nguyện; cưỡng chế thi hành án thì ông H, ông H chấp hành để Cơ quan thi hành án giao đất cho ông T, ông T nhận đất và dùng lưới sắt B40 rào xung quanh, tuy nhiên đến chiều cùng ngày thì ông H, ông H lại vỡ bỏ lưới sắt B40 và vào bao chiếm lại đất sử dụng, với hành vi này ông H, ông H bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm tại Bản án số: 90/2005/HSPT ngày 07/9/2005, tuyên phạt ông H 01 năm 03 tháng tù, ông H 01 năm tù đều về tội “không chấp hành bản án”. Sau khi chấp hành xong án phạt tù, về thì ông H, ông H lại tiếp tục bao chiếm hết phần đất nêu trên sử dụng đến hôm nay, trong quá trình bao chiếm sử dụng lại thì ông H, ông H có trồng một số cây; ông H quản lý 01 cái ao lớn, 01 cái ao nhỏ; ông H quản lý 01 cái ao lớn, ao nhỏ (tại thời điểm xem xét thẩm định đều không có nuôi cá) và ông H cất 01 căn nhà gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền

đất (được sửa chữa cất lại vào năm 2018 cấp với 02 cái ao ông quản lý), đến năm 2010 ông H có chôn thêm ngôi mộ của vợ ông tên Phan Thị H (trước cửa nhà ông). Nay ông H, ông H thừa nhận phần đất trên là của bà H đã chuyển nhượng hợp pháp từ chỗ ông T, các ông không tranh chấp lại nguồn gốc đất, nhưng các ông cho rằng không có nơi ở khác và yêu cầu bà H cho các ông được tiếp tục sử dụng phần đất, đồng ý trả cho bà H theo giá trị mà bà H đã nhận chuyển nhượng từ ông T là 18 chỉ vàng 24kara 9999 hoặc giá thị trường hiện nay theo định giá của nhà nước.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với nguồn gốc đất các bên không tranh chấp, nên không xem xét giải quyết, tuy nhiên trong vụ án này ông H, ông H thừa nhận là đất của bà H chuyển nhượng hợp pháp từ chỗ ông T, việc thừa nhận này phù hợp với ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân huyện H tại Công văn số: 1782/UBND-HC ngày 02/11/2021, rằng: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị H tại thửa 1248, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.314m<sup>2</sup> xã P, huyện H vào ngày 09/11/2015 từ chỗ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Trung T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại thời điểm cấp giấy chứng nhận và không có đo đạc thực tế, tuy nhiên với yêu cầu trả đất của bà H thì các ông không đồng ý và các ông yêu cầu (đề nghị) đối với bà H cho các ông nhận chuyển nhượng lại, nhưng bà H lại không đồng ý. Như vậy việc các ông H, ông H đã thừa nhận việc sử dụng phần đất trên là bất hợp pháp và không có sự thỏa thuận đồng ý của bà H (là người được cấp quyền sử dụng hợp pháp), do đó thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận, nên buộc hộ ông H, ông H phải di dời bằng mọi biện pháp đối với: Tất cả nhà cửa, cây cối, ngôi mộ và tài sản, vật kiến trúc khác của mình ra khỏi đất để trả đất lại cho hộ bà H sử dụng theo quy định – vì tất cả nhà cửa, cây cối, ngôi mộ và tài sản, vật kiến trúc khác này đều được hình thành sau khi bị cưỡng chế giao trả đất cho ông T vào năm 2004.

Từ nhận định trên thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của Luật sư (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H) về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp: Căn cứ vào các Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, khi xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn bà Huỳnh Thị H đã nộp tạm ứng số tiền là: 3.143.000 đồng tại hóa đơn thu số: 0043792 ngày 22/3/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H và nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản tranh chấp là 300.000 đồng tại danh sách chi bồi dưỡng cho Hội đồng định giá ngày 26/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện H. Tổng cộng là: 3.443.000 đồng. Xét thấy vụ án này nguyên đơn bà H được chấp nhận toàn bộ yêu cầu, các bị đơn ông H, ông H có nghĩa vụ giao trả đất cho nguyên đơn bà H, nên các bị đơn ông H, ông H phải liên đới chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản tranh chấp là: 3.443.000 đồng. Nguyên đơn bà H đã nộp tạm ứng trước, nên các bị đơn ông H, ông H trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn bà H số tiền là: 3.443.000 đồng.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để xem xét án phí dân sự sơ thẩm và buộc các đương sự nộp theo quy định.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 91, 147, 157, 158, 165, 166, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 165, 166, 168, 169 Bộ luật Dân sự; các Điều 26, 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị H, về việc buộc các hộ bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H di dời nhà, các cây trồng và tài sản khác (trong đó có ngôi mộ của vợ ông H) để trả lại cho bà Huỳnh Thị H phần đất đo thực tế là 2.259,4m<sup>2</sup> (diện tích cấp trong giấy là 2.314m<sup>2</sup>) thuộc thửa 1248, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản, tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Buộc hộ ông Trần Văn H (gồm: Trần Văn H, Trần Văn P, Trần Văn P); hộ ông Trần Văn Hi (gồm: Trần Văn H, Trần Văn H) có trách nhiệm di dời bằng mọi hình thức (hoặc bị cưỡng chế theo quy định) đối với các tài sản thuộc quyền sở hữu của mình như: Đối với hộ ông H là Căn nhà, cây trồng, ngôi mộ của bà Phan Thị H (vợ ông H), cá nuôi (nếu có), tài sản và vật kiến trúc khác...; Hộ ông H là cá nuôi (nếu có), cây trồng, tài sản và vật kiến trúc khác... để giao trả lại cho hộ bà Huỳnh Thị H sử dụng diện tích đất đo thực tế là: 2.259,4m<sup>2</sup> (diện tích cấp trong giấy là 2.314m<sup>2</sup>), thuộc thửa 1248, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng: nuôi trồng thủy sản, tọa lạc ấp P, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (do bà Huỳnh Thị H đại diện hộ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng cấp ngày 09/11/2015). Có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp: đất ông Trần Văn H, dài 43,4mét (từ điểm M1 đến M2).
- Hướng Tây giáp: đất ông Nguyễn Văn N, dài 44,5 mét (từ điểm M3 đến M4).
- Hướng Nam giáp: đất ông Huỳnh Văn Đ, dài 49,9 mét (từ điểm M2 đến M3).
- Hướng Bắc giáp: đất ông Đinh Văn D, dài 53 mét (từ điểm M1 đến M4).

*(Kèm theo sơ đồ đo đạc số: TĐ:01-2021 ngày 22/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H, tỉnh Đồng Tháp).*

Đối với hộ bị đơn ông Trần Văn H được lưu cư 06 tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, để có thời gian, điều kiện di dời.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp:

Các bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Huỳnh Thị H số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là: 3.443.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn ông Trần Văn H, ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp 6.213.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn Huỳnh Thị H, người liên quan Đào Hiền T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (09/11/2021). Đối với những bị đơn, những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lâm Quốc Sách**